

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Kết luận số 2862-KL/TU ngày 08/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4362/TTr-STC ngày 01/8/2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng (số lượng, chủng loại) xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá mua xe ô tô chuyên dùng tại thời điểm phê duyệt mua sắm, phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng và khả năng bố trí ngân sách.

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Số lượng xe ô tô chuyên dùng được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 1 Quyết định này là số lượng tối đa, làm căn cứ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xuất tiếp nhận, điều chuyển, mua sắm xe; là cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xe phù hợp với nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ, nguồn hình thành tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, khả năng cân đối nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng trong lĩnh vực y tế: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa cho đến khi có quy định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xe ô tô chuyên dùng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Các quy định khác trước đây của UBND tỉnh có nội dung trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc

Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Phụ lục**  
**SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC CƠ QUAN,**  
**TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

| STT | Đơn vị sử dụng   | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng  |
|-----|--|--|---|---|
| A   | Cấp tỉnh   |  |   |   |
| 1   | Văn phòng Tỉnh ủy  | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ đoàn công tác đi chung của<br>Tỉnh ủy   |
| 2   | Văn phòng Đoàn đại biểu<br>Quốc hội và Hội đồng<br>nhân dân tỉnh         | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ đoàn công tác đi chung của<br>Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh  |
| 3   | Văn phòng UBND tỉnh  | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu<br>nhận biết theo khoản<br>3 Điều 16                                      | Phục vụ chỉ đạo thực hiện phòng,<br>chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên<br>địa bàn tỉnh.  |
|     |  | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ đoàn công tác đi chung của<br>UBND tỉnh.  |
| 4   | Văn phòng điều phối về<br>vệ sinh an toàn thực<br>phẩm tỉnh Thanh Hóa    | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ kiểm tra việc thực hiện các<br>chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ;<br>thông tin, tuyên truyền về vệ sinh an<br>toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh   |
| 5   | Sở Xây dựng  | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu<br>nhận biết theo khoản<br>3 Điều 16                                      | Phục vụ thanh tra xây dựng  |
| 6   | Sở Khoa học và Công<br>nghệ  | 2  |   |   |
| 6.1 | Chi cục tiêu chuẩn đo<br>lường chất lượng                                | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Chờ các thiết bị chuyên dùng phục vụ<br>kiểm định, đo lường chất lượng xăng<br>dầu; kiểm định các phương tiện đo<br>nhóm 2  |
| 6.2 | Trung tâm Thông tin - Ứng<br>dụng - Chuyển giao Khoa<br>học và Công nghệ | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ đo đạc, phân tích, kiểm<br>nghiệm, đánh giá, giám sát trong lĩnh<br>vực an toàn bức xạ hạt nhân; nghiên<br>cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ<br>KH-CN vào sản xuất và đời sống.  |
| 7   | Sở Giao thông vận tải  | 10   |   |   |
| 7.1 | Văn phòng Ban an toàn<br>giao thông tỉnh                                 | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu<br>nhận biết theo khoản<br>3 Điều 16                                      | Phục vụ tuyên truyền, phổ biến rộng rãi<br>trong mọi tầng lớp nhân dân về các quy<br>định của pháp luật, chỉ đạo của Thủ<br>tướng Chính phủ và quy định của các<br>Bộ, ngành liên quan đến công tác bảo<br>đảm trật tự an toàn giao thông |

| STT      | Đơn vị sử dụng   | Số lượng (định mức sử dụng tối đa) (chiếc) | Chủng loại xe theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng  |
|----------|--|--|---|---|
| 7.2      | Thanh tra Sở Giao thông vận tải  | 1  | Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng theo khoản 3 Điều 16                               | Xe ô tô cân phục vụ kiểm tra tải trọng xe lưu động  |
|          |  | 1  | Xe ô tô có kết cấu đặc biệt theo khoản 2 Điều 16                                    | Xe kéo cứu hộ   |
|          |  | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ chở thiết bị cứu hộ, cứu nạn  |
|          |  | 6  | Xe ô tô gắn biển nhận biết theo khoản 3 Điều 16                                     | Phục vụ thanh tra giao thông  |
| <b>8</b> | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>                                     | <b>5</b>                                   |   |   |
| 8.1      | Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng sở)                             | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo khoản 3 Điều 16                                | Phục vụ thanh tra ngành tài nguyên và môi trường. Tham gia chỉ đạo ứng phó khắc phục các sự cố về môi trường; kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; chở người và thiết bị lấy mẫu về môi trường, đo đạc các thông số ô nhiễm môi trường, các mẫu khoáng sản mới phát hiện; đưa đón các đoàn thẩm tra, xác minh để giải quyết ngay tại cơ sở đối với các vụ việc khiếu nại đông người tại các điểm nóng trên địa bàn tỉnh; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp... |
| 8.2      | Chi cục Biển hải đảo, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu Thanh Hóa | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Xe chở thiết bị khắc phục sau bão lụt, giám sát môi trường biển.  |
| 8.3      | Chi cục Bảo vệ môi trường Thanh Hoá                                    | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Phục vụ kiểm tra, giám sát, lấy mẫu, đo đạc các thông số môi trường trên địa bàn tỉnh   |
| 8.4      | Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa                                    | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở thiết bị đo đạc đất đai   |
| 8.5      | Trung tâm Dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường Thanh Hóa         | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo khoản 3 Điều 16                                | Phục vụ triển khai hoạt động ứng cứu sự cố kết nối truyền tin số liệu môi trường tự động giữa Trung tâm Điều hành Quan trắc môi trường tự động và các nhà máy có xả khí thải, nước thải ra môi trường; sự cố kết nối truyền tin số liệu tài nguyên nước từ các nhà máy khai thác, sử dụng nước, nước ngầm về Trung tâm Điều hành Giám sát khai thác sử dụng nước đặt tại Trung tâm Dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường.  |

| STT       | Đơn vị sử dụng  | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|-----------|---|--|---|--|
| <b>9</b>  | <b>Sở Lao động - Thương<br/>bình và Xã hội</b>  | <b>12</b>  |   |  |
| 9.1       | Trung tâm điều dưỡng<br>người có công Thanh Hóa   | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ vận chuyển bệnh nhân là<br>người có công đi khám và điều trị tại<br>bệnh viện  |
| 9.2       | Trung tâm Bảo trợ xã hội<br>Thanh Hóa   | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ đối tượng bảo trợ  |
| 9.3       | Trung tâm Bảo trợ xã hội<br>số 2 Thanh Hóa  | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ đối tượng bảo trợ  |
| 9.4       | Trung tâm dịch vụ việc<br>làm Thanh Hóa   | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ nhiệm vụ tổ chức giới thiệu<br>việc làm  |
| 9.5       | Cơ sở Cai nghiện ma túy<br>số 1 Thanh Hóa   | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ nhiệm vụ điều trị cai nghiện<br>ma túy   |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   |  |
| 9.6       | Trung tâm cung cấp dịch<br>vụ công tác xã hội Thanh<br>Hóa  | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ nhiệm vụ công tác xã hội   |
| 9.7       | Trung tâm chăm sóc, nuôi<br>dưỡng người có công<br>Thanh Hóa  | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ vận chuyển bệnh nhân là<br>người có công đi khám và điều trị tại<br>bệnh viện  |
| 9.8       | Cơ sở cai nghiện ma túy số<br>2 Thanh Hóa   | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ nhiệm vụ điều trị cai nghiện<br>ma túy   |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   |  |
| 9.9       | Trung tâm Chăm sóc, phục<br>hồi chức năng cho người<br>tâm thần, người rối nhiễu<br>tâm trí khu vực miền núi<br>Thanh Hóa | 1  | Xe ô tô cứu thương  | Phục vụ nhiệm vụ công tác xã hội   |
| 9.10      | Trường Trung cấp nghề<br>Thanh thiếu niên khuyết<br>tật đặc biệt khó khăn<br>Thanh Hóa                                    | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ đưa đón giáo viên, học sinh đi<br>thực tập   |
| <b>10</b> | <b>Sở Nông nghiệp và Phát<br/>triển nông thôn</b>   | <b>4</b>   |   |  |
| 10.1      | Chi cục Thủy lợi Thanh<br>Hóa   | 1  | Xe ô tô gắn thiết bị<br>chuyên dùng theo<br>khoản 3 Điều 16                                     | Phục vụ nhiệm vụ thông tin, truyền<br>thông đảm bảo thông tin liên lạc phục<br>vụ chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó<br>và đảm bảo an toàn trong điều kiện<br>thiên tai bão lũ, lũ quét, sạt lở đất (gồm<br>có còi, cờ hiệu ưu tiên) |
| 10.2      | Chi cục Kiểm lâm Thanh<br>Hóa   | 2  |   |  |

| STT       | Đơn vị sử dụng                            | Số lượng (định mức sử dụng tối đa) (chiếc) | Chủng loại xe theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng  |
|-----------|---|--|---|---|
| -         | Đội kiểm lâm cơ động và PCCR số 1         | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và tang vật vi phạm   |
| -         | Đội kiểm lâm cơ động và PCCR số 2         | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng và tang vật vi phạm   |
| 10.3      | Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa      | 1  | Xe ô tô có kết cấu đặc biệt theo khoản 2 Điều 16                                    | Phục vụ nhiệm vụ lấy mẫu, bảo quản mẫu bệnh phẩm, test nhanh, xét nghiệm bệnh động vật (bao gồm cả động vật thủy sản) |
| <b>11</b> | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>    | <b>24</b>                                  |   |   |
| 11.1      | Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh      | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy tại khu di tích  |
| 11.2      | Bảo tàng tỉnh                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở cổ vật, hiện vật và trưng bày lưu động  |
| 11.3      | Thư viện tỉnh                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở sách báo; đi kiểm tra giám sát các điểm được luân chuyển sách, báo thụ hưởng dự án                                |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ thư viện lưu động đa phương tiện đi đến các xã, thôn, bản trong tỉnh  |
| 11.4      | Nhà hát nghệ thuật truyền thống Thanh Hóa | 6  |   |   |
| -         | Đoàn nghệ thuật Tuồng                     | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |
| -         | Đoàn nghệ thuật Cải lương                 | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |
| -         | Đoàn nghệ thuật Chèo                      | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |
| 11.5      | Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn               | 6  |   |   |
| -         | Đoàn nghệ thuật Ca, Múa, Nhạc             | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |   | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |

| STT       | Đơn vị sử dụng   | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng  |
|-----------|--|--|---|---|
| -         | Đoàn nghệ thuật Kịch nói   | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |  | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |
| -         | Đoàn nghệ thuật Dân ca,<br>Dân vũ Thanh Hóa                            | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Chở diễn viên đi biểu diễn  |
|           |  | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Chở trang phục, đạo cụ đi biểu diễn   |
| 11.6      | Trung tâm bảo tồn di sản<br>thành nhà Hồ                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ giới thiệu thông tin di sản   |
| 11.7      | Trung tâm Văn hóa - Điện<br>ảnh Thanh Hóa                              | 4  |   |   |
| -         | Phát hành phim và chiếu<br>bóng  | 2  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ chiếu phim lưu động, chở thiết<br>bị chiếu phim trên địa bàn tỉnh                 |
| -         | Văn hóa, văn nghệ quần<br>chúng  | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe tuyên truyền thông tin lưu động  |
|           |  | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Chở thiết bị, cán bộ phục vụ hoạt động<br>văn hóa, văn nghệ quần chúng                    |
| 11.8      | Trung tâm huấn luyện và<br>thi đấu thể dục, thể thao<br>Thanh Hóa      | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Chở vận động viên đi tập luyện, thi đấu   |
|           |  | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe bán tải chở dụng cụ tập luyện, thi<br>đấu  |
| 11.9      | Trung tâm Nghiên cứu lịch<br>sử và bảo tồn di sản văn<br>hóa Thanh Hóa | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Kiểm tra các điểm di tích trên địa bàn<br>tỉnh  |
| <b>12</b> | <b>Sở Thông tin và Truyền<br/>thông</b>                                | <b>1</b>   |   |   |
| 12.1      | Trung tâm Công nghệ<br>thông tin và Truyền thông<br>Thanh Hóa          | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ triển khai hoạt động ứng cứu<br>sự cố an toàn thông tin mạng trên địa<br>bàn tỉnh |
| <b>13</b> | <b>Ngành Giáo dục và Đào<br/>tạo</b>                                   | <b>10</b>  |   |   |
| 13.1      | Sở Giáo dục và Đào tạo<br>(Văn phòng sở)                               | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ cho các kỳ thi và công tác<br>kiểm tra tại các huyện miền núi                     |
| 13.2      | Trường Đại học Hồng Đức  | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ công tác đào tạo và đưa đón<br>cán bộ, giảng viên, sinh viên                      |
| 13.3      | Trường Đại học Văn hoá,<br>Thể thao và Du lịch Thanh<br>Hóa            | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ<br>ngồi theo khoản 5<br>Điều 16   | Phục vụ công tác đào tạo, đưa đón cán<br>bộ, giảng viên, sinh viên, vận động viên         |



| STT      | Đơn vị sử dụng  | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|----------|---|--|---|--|
| 13.4     | Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa                             | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Phục vụ đưa đón cán bộ, giảng viên, sinh viên đi thực tập, thực tế   |
| 13.5     | Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn                                     | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Phục vụ đưa đón cán bộ, giảng viên, sinh viên đi thực tập, thực tế   |
| 13.6     | Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa                             | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Phục vụ đưa đón cán bộ, giảng viên, sinh viên đi thực tập, thực tế   |
| 13.7     | Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa                                    | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 17   | Phục vụ đưa đón cán bộ, giảng viên, sinh viên đi thực tập, thực tế.  |
| 13.8     | Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa                        | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Phục vụ hoạt động của trường phổ thông chuyên biệt, học sinh dân tộc thiểu số; đưa, đón học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và các hoạt động đặc thù khác. |
| 13.9     | Trường THPT dân tộc nội trú Ngọc Lặc                              | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   |  |
| 13.10    | Trường THPT chuyên Lam Sơn  | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Xe chở giáo viên, học sinh trong quá trình học và đi thi quốc gia, quốc tế   |
| 14       | <b>Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa</b>                    | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo khoản 3 Điều 16  | Xe truyền hình lưu động có 06 camera thực hiện ghi hình và truyền hình trực tiếp.  |
|          |   | 5  | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo khoản 3 Điều 16  | Xe truyền hình lưu động từ 01 – 02 camera, 01 bộ dụng cụ lưu động 4K, 01 máy trạm dựng lưu động chuyên dùng kèm bộ phát wifi để ghi hình.                              |
| 15       | <b>Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp</b>    | 2  |   |  |
| 15.1     | Khối Văn phòng và đơn vị sự nghiệp trực thuộc                     | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16   | Phục vụ nhiệm vụ xúc tiến đầu tư   |
| 15.2     | Trung tâm Quản lý Hạ tầng, Môi trường và Hỗ trợ đầu tư            | 1  | Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo khoản 3 Điều 16  | Phục vụ tuần đường, tuần tra, kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống chiếu sáng công cộng.   |
| 16       | <b>Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa</b> | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5, Điều 16  | Phục vụ nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp và các nhà đầu tư vào tìm hiểu, khảo sát thực địa trên địa bàn tỉnh   |
| <b>B</b> | <b>CẤP HUYỆN</b>  |  |   |  |
| <b>1</b> | <b>Thành phố Thanh Hóa</b>  | <b>36</b>  |   |  |

| STT      | Đơn vị sử dụng                                    | Số lượng (định mức sử dụng tối đa) (chiếc) | Chủng loại xe theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|----------|---|--|---|--|
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -        | Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố             | 4  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -        | UBND thành phố                                    | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5 Điều 16                                       | Phục vụ các nhiệm vụ của thành phố   |
| -        | 30 phường trên địa bàn thành phố                  | 30   | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 17  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>2</b> | <b>Thành phố Sầm Sơn</b>                          | <b>11</b>                                  |   |  |
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -        | Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe cứu thương   | Phục vụ cứu hộ biển  |
| -        | 08 phường trên địa bàn thành phố                  | 8  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>3</b> | <b>Thị xã Bỉm Sơn</b>                             | <b>9</b>                                   |   |  |
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -        | Đội kiểm tra quy tắc đô thị thị xã                | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -        | 06 phường trên địa bàn thị xã                     | 6  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -        | Trường Trung cấp nghề thị xã Bỉm Sơn              | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5, Điều 16                                      | Phục vụ đưa đón giáo viên, học sinh đi thực tế, thực tập   |
| <b>4</b> | <b>Huyện Bá Thước</b>                             | <b>2</b>                                   |   |  |
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -        | UBND thị trấn Cành Nàng                           | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>5</b> | <b>Huyện Cẩm Thủy</b>                             | <b>2</b>                                   |   |  |
| -        | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -        | UBND thị trấn Phong Sơn                           | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |

| STT       | Đơn vị sử dụng                                    | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|-----------|---|--|---|--|
| <b>6</b>  | <b>Huyện Hà Trung</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Hà Trung                            | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>7</b>  | <b>Huyện Hoàng Hóa</b>                            | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Bút Sơn                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>8</b>  | <b>Huyện Hậu Lộc</b>                              | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Hậu Lộc                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>9</b>  | <b>Huyện Lang Chánh</b>                           | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Lang Chánh                          | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>10</b> | <b>Huyện Mường Lát</b>                            | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao          |
| -         | UBND thị trấn Mường Lát                           | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>11</b> | <b>Huyện Nga Sơn</b>                              | <b>3</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Nga Sơn                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | Trường Trung cấp nghề Nga Sơn                     | 1  | Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi theo khoản 5, Điều 16  | Phục vụ đưa đón giáo viên, học sinh đi thực tế, thực tập   |
| <b>12</b> | <b>Huyện Ngọc Lặc</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |

| STT       | Đơn vị sử dụng                                       | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|-----------|--|--|---|--|
| -         | UBND thị trấn Ngọc Lặc                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>13</b> | <b>Huyện Như Thanh</b>                               | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Bến Sung                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>14</b> | <b>Huyện Như Xuân</b>                                | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Yên Cát                                | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>15</b> | <b>Huyện Nông Cống</b>                               | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Nông Cống                              | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>16</b> | <b>Huyện Quan Hóa</b>                                | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Hồi Xuân                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>17</b> | <b>Huyện Quan Sơn</b>                                | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Sơn Lư                                 | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>18</b> | <b>Huyện Quảng Xương</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Tân Phong                              | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>19</b> | <b>Huyện Thiệu Hóa</b>                               | <b>3</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |

| STT       | Đơn vị sử dụng                                       | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|-----------|--|--|---|--|
| -         | UBND thị trấn Thiệu Hóa                              | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Hậu Hiền                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>20</b> | <b>Huyện Thường Xuân</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Thường<br>Xuân                         | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>21</b> | <b>Huyện Thạch Thành</b>                             | <b>3</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Kim Tân                                | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Vân Du                                 | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>22</b> | <b>Huyện Thọ Xuân</b>                                | <b>4</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Lam Sơn                                | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Sao Vàng                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Thọ Xuân                               | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 17   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>23</b> | <b>Huyện Triệu Sơn</b>                               | <b>3</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Triệu Sơn                              | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Nưa                                    | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>24</b> | <b>Thị xã Nghi Sơn</b>                               | <b>18</b>  |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông<br>tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt<br>động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể<br>dục - thể thao, du lịch |
| -         | Đội kiểm tra quy tắc đô thị<br>thị xã                | 1  | Xe ô tô tải theo<br>khoản 4 Điều 16   | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |

| STT       | Đơn vị sử dụng                                    | Số lượng<br>(định mức<br>sử dụng<br>tối đa)<br>(chiếc) | Chủng loại xe theo<br>quy định tại khoản<br>2, 3, 4, 5 Điều 16<br>Nghị định số<br>72/2023/NĐ-CP | Mục đích sử dụng   |
|-----------|---|--|---|--|
| -         | 16 phường trên địa bàn thị xã                     | 16   | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>25</b> | <b>Huyện Vĩnh Lộc</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Vĩnh Lộc                            | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>26</b> | <b>Huyện Yên Định</b>                             | <b>5</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Quán Lào                            | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Yên Lâm                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Quý Lộc                             | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| -         | UBND thị trấn Thống Nhất                          | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |
| <b>27</b> | <b>Huyện Đông Sơn</b>                             | <b>2</b>   |   |  |
| -         | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Xe hướng dẫn, tuyên truyền các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch |
| -         | UBND thị trấn Rừng Thông                          | 1  | Xe ô tô tải theo khoản 4 Điều 16  | Phục vụ quản lý trật tự đô thị   |